

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 1997 – 2010

NGUYỄN THỊ HIỀN*

TÓM TẮT

Trong hơn 10 năm trở lại đây, do ảnh hưởng của công nghiệp hóa, dân số tỉnh Bình Dương có những biến động đáng kể về quy mô, gia tăng dân số và phân bố dân cư. Bài báo đề cập những tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số tỉnh Bình Dương giai đoạn 1997 – 2010, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển dân số tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

Từ khóa: công nghiệp hóa, dân số, gia tăng dân số, phân bố dân cư.

ABSTRACT

Industrialize's influences on Binh Duong's population change, in the period 1997 – 2010.

In less than over 10 years, because of industrialize, Binh Duong's population has had strong changes about population dimension, population increment and population distribution. This article is about industrialize's influences on Binh Duong's population change in the period 1997 – 2010, as well as suggests some solutions in order to develop Binh Duong's population in the future.

Keywords: industrialize, population, population increment, population distribution.

1. Đặt vấn đề

Bình Dương là tỉnh có quá trình công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ. Quá trình này đã tác động không nhỏ đến dân số của tỉnh về quy mô, gia tăng dân số và phân bố dân cư. Biến động dân số ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương; vì vậy, nghiên cứu những tác động của công nghiệp hóa đến dân số tỉnh Bình Dương giai đoạn 1997 – 2010 là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn trong việc định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

2. Công nghiệp hóa và tác động của nó đến biến động dân số tỉnh Bình Dương giai đoạn 1997 – 2010

2.1. Công nghiệp hóa tỉnh Bình Dương

Trước khi tiến hành công nghiệp hóa, kinh tế tỉnh Bình Dương chủ yếu dựa vào nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như sản xuất đồ gốm, mỹ nghệ, sơn mài. Từ năm 1997 đến 2010, sau khi tái lập tỉnh, thực hiện công nghiệp hóa, kinh tế Bình Dương đã có bước chuyển biến mạnh mẽ: GDP tăng trưởng với tốc độ cao (bình quân 13 – 16%/năm), tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và tăng cao: đạt 14,15%/năm giai đoạn 1997 – 2000, đạt 15,23%/năm giai đoạn 2000 – 2003 và đạt 15,4%/năm giai đoạn 2006 – 2010 (xem bảng 1).

* ThS, Trường THPT chuyên Hùng Vương, Bình Dương

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 – 2010

	Tốc độ tăng trưởng (%/năm) (giá so sánh năm 1994)			
	1997 - 2000	2000 - 2003	2004 - 2005	2006 - 2010
Tổng GDP	14,15	15,23	15,49	15,40
Công nghiệp – xây dựng	23,22	18,17	17,48	13,71
Dịch vụ	7,62	14,86	16,39	23,97
Nông – lâm – ngư nghiệp	2,79	3,59	2,25	2,24

Nguồn: xử lý từ [1]

Bảng 1 cho thấy quá trình công nghiệp hóa ở Bình Dương tăng trưởng nhanh ở các ngành công nghiệp và dịch vụ, ngành nông – lâm – ngư nghiệp có tốc độ tăng trưởng chậm hơn. Tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp – xây dựng rất cao ở giai đoạn 1997 – 2000 (tăng 23,22%/năm) nhưng có xu hướng giảm dần ở các giai đoạn sau: giai đoạn 2006 – 2010 chỉ tăng 13,71%/năm. So với ngành công nghiệp – xây dựng, trong giai đoạn 1997 – 2000, ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng thấp hơn

(7,62%/năm), nhưng đến giai đoạn 2006 – 2010 thì tốc độ tăng trưởng cao hơn, đạt 23,97%/năm. Các ngành nông – lâm – ngư nghiệp có tốc độ tăng trưởng lần lượt là 2,79%/năm và 2,24%/năm trong giai đoạn 1997 – 2000 và 2006 – 2010. [1]

Cùng với tốc độ tăng GDP và tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, trong cơ cấu GDP của tỉnh Bình Dương, công nghiệp cũng là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất và liên tục tăng (xem bảng 2).

Bảng 2. Cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 – 2010

Đơn vị: %

Ngành	1997	1999	2003	2005	2007	2010
- Công nghiệp – xây dựng	50,4	55,1	62,2	63,5	64,4	63,0
- Dịch vụ	26,8	26,0	26,2	28,1	29,2	32,6
- Nông – lâm – ngư nghiệp	22,8	18,9	11,6	8,4	6,4	4,4
Tổng cộng	100	100	100	100	100	100

Nguồn: [1]

Bảng 2 cho thấy tỉ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng tăng từ 50,4% GDP (1997) lên 63,0% năm 2010. Các ngành nông – lâm – ngư nghiệp có tỉ trọng giảm dần từ 22,8% GDP (1997) xuống 4,4% GDP (2010). Tỉ trọng của các ngành dịch vụ tăng từ 26,8% năm 1997 lên 32,6% năm 2010.

Như vậy, trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp là ngành có đóng góp lớn vào giá trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Trong cơ cấu ngành công nghiệp, nhóm ngành công nghiệp chế biến có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, khoảng 32,55%/năm trong suốt giai đoạn 2001 – 2007, đây cũng là ngành quyết định đến

tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh. Công nghiệp khai thác có tốc độ tăng vừa phải, đạt 13,76%/năm cùng giai đoạn. Các ngành sản xuất phân phối điện, khí, nước có tốc độ tăng trưởng thấp và có quy mô nhỏ. Trong giá trị sản xuất công nghiệp, công nghiệp chế biến chiếm chủ yếu và có xu hướng tăng lên, năm 1997 chiếm 97,73% giá trị sản xuất ngành công nghiệp, năm 2007 chiếm 99,21% và năm 2010 chiếm 99,15% (theo giá hiện hành). [1]

Trong thời gian qua, nhờ chính sách đầu tư, mở cửa thông thoáng của Nhà nước và của tỉnh; khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên rất nhanh, tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực này tăng từ 43,91% (1997) lên 63,76% (năm 2010). Khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tập trung chủ yếu ở các khu công nghiệp.

Các khu công nghiệp của Bình Dương đã góp phần to lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Từ một tỉnh nông nghiệp là chủ yếu, Bình Dương trở thành một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với tỉ trọng công nghiệp chiếm hơn 60% GDP.

Đến năm 2010, toàn tỉnh đã có 28 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích khoảng 12.000ha, thu hút hơn 2000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư khoảng 13 tỉ USD.

Các khu công nghiệp của tỉnh phần lớn tập trung ở các huyện: Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên và thị xã (TX) Thủ Dầu Một. Việc tập trung phát triển các khu công nghiệp ở hai huyện phía Nam, kề cận Thành phố Hồ Chí Minh

(TPHCM) là Thuận An, Dĩ An thể hiện sự phát triển công nghiệp của tỉnh theo đúng quy luật lan tỏa, từ cực công nghiệp phát triển ở TPHCM ra các địa phương xung quanh.

Trong những năm gần đây, nhiều khu công nghiệp mới ở phía Bắc của tỉnh đã được hình thành và đi vào hoạt động như khu công nghiệp Mỹ Phước I, II, Việt Hương II, Mai Trung (Bến Cát); một số khu công nghiệp khác ở Tân Uyên như khu công nghiệp Nam Tân Uyên đã khiến cho tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở một số địa phương này tăng nhanh. Giai đoạn 2001 – 2010, ngoài huyện Thuận An và Dĩ An đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp khoảng từ 35 – 40%/năm, thì hai huyện Tân Uyên và Bến Cát cũng bắt đầu có tốc độ tăng trưởng công nghiệp rất cao, lần lượt là 46,42% và 50,90%. Xu hướng phát triển công nghiệp đúng hướng là chuyển dịch về các huyện phía Bắc. [1]

Tóm lại, ngành công nghiệp của Bình Dương trong thời gian qua có tốc độ tăng trưởng rất nhanh, quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa tỉnh Bình Dương đã có tác động to lớn đến biến động dân số tỉnh.

2.2. Tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số tỉnh Bình Dương giai đoạn 1997 - 2010

2.2.1. Tác động đến quy mô và gia tăng dân số

Năm 2010, dân số Bình Dương là 1.619.930 người, tỉ lệ gia tăng tự nhiên ở mức trung bình nhưng tỉ lệ gia tăng cơ

học cao vì dân cư từ các tỉnh khác đến trong quá trình công nghiệp hóa.

4,84%, dân số năm 2010 gấp 2,38 lần dân số năm 1997 (xem bảng 3).

Dân số từ 1997 đến nay liên tục tăng với tốc độ gia tăng hàng năm là

Bảng 3. Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 – 2010

	1997	2001	2005	2010
Dân số (ngàn người)	679,044	769,946	1.109,318	1.619,930
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	3,1	3,6	6,96	7,10

Nguồn: xử lý từ [1]

Trong giai đoạn 1997 – 2000, tỉ lệ gia tăng dân số vào khoảng 3%, trong đó gia tăng cơ học là 1,43%, nhưng từ giai đoạn 2000 – 2010 tỉ lệ gia tăng dân số lại rất cao (trung bình là 7,31%). Bảng 3 cho thấy năm 1997, gia tăng dân số trung bình của tỉnh là 3,1%, đến 2005 tăng lên 6,96% và năm 2010 là 7,10%. [1]

Nhìn chung, dân số của các huyện thị trong thời gian từ 1997 đến nay đều tăng nhưng tỉ lệ gia tăng không giống nhau (xem bảng 4).

Bảng 4. Dân số, tỉ lệ gia tăng dân số tỉnh Bình Dương phân theo huyện/thị, giai đoạn 1997 – 2010

Đơn vị: nghìn người

Huyện/thị	1997	1999	2004	2007	2010	Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	
						1999 – 2004	2007 – 2010
TX Thủ Dầu Một	133,403	144,597	163,778	178,029	241,276	2,49	10,1
Dầu Tiêng	-	86,713	96,679	101,661	109,781	2,18	2,56
Bến Cát	207,936	105,102	121,911	143,911	223,919	3,00	14,73
Phú Giáo	-	59,298	68,284	72,085	84,764	2,82	5,4
Tân Uyên	176,355	117,886	137,612	162,586	228,926	3,10	11,41
Thuận An	167,590	112,359	184,759	231,763	410,818	9,95	19,08
Dĩ An	-	96,005	152,295	185,422	320,446	9,23	18,23

Nguồn: xử lý từ [1]

Bảng 4 cho thấy dân cư phần lớn tập trung ở các huyện, thị phía Nam (Thuận An, Dĩ An, Thủ Dầu Một). Các huyện, thị này chỉ chiếm 8,62% diện tích nhưng lại chiếm đến 55,34% dân số toàn tỉnh. Tỉ lệ gia tăng dân số các huyện phía Nam cũng cao hơn hẳn so với các huyện phía Bắc.

TX Thủ Dầu Một có tốc độ tăng dân số cao hơn so với các huyện phía Bắc nhưng thấp hơn so với các huyện phía Nam của tỉnh. Tỉ lệ gia tăng dân số trung bình trong giai đoạn 1999 – 2010 là 4,65%. Trong khi đó, Thuận An và Dĩ An có tỉ lệ gia tăng dân số rất cao. Giai đoạn 1999 – 2004, hai huyện này đều có tỉ lệ gia tăng dân số trên 9%. Từ 2007 đến

2010, tỉ lệ gia tăng dân số của hai huyện tăng đột biến với tỉ lệ lần lượt là 19,08 và 18,23%. Tỉ lệ gia tăng dân số trung bình từ 1999 đến 2010 của Thuận An và Dĩ An lần lượt là 11,78% và 10,95%; cả hai huyện là 9,24%. [1]

Ở các huyện phía Bắc (Bến Cát, Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo) chiếm 91,08% diện tích toàn tỉnh nhưng chỉ chiếm chưa đến 1/2 dân số toàn tỉnh. Hai huyện Tân Uyên và Bến Cát có tỉ lệ gia tăng dân số biến động khá mạnh. Trong giai đoạn 1999 – 2004, tỉ lệ gia tăng dân số của hai huyện này vào khoảng 3%, nhưng đến giai đoạn 2007 – 2010 đạt trên 10%. Tỉ lệ gia tăng dân số trung bình của hai huyện giai đoạn 1999 – 2010 là 6,03% và 6,87%. [1]

Dân số ở hai huyện còn lại (Phú Giáo và Dầu Tiếng) chiếm tỉ lệ nhỏ và tỉ lệ gia tăng cũng thấp hơn. Giai đoạn 1999 – 2004, tỉ lệ gia tăng dân số của hai

huyện này lần lượt là 1,54% và 2,82%; giai đoạn 2007 – 2010 là 5,4% và 2,56%. [1]

Như vậy, dân số của tỉnh tập trung chủ yếu ở các huyện phía Nam, nơi có hoạt động sản xuất công nghiệp diễn ra mạnh mẽ, vị trí địa lí và giao thông vận tải thuận lợi. Trong thời gian gần đây, hai huyện Bến Cát và Tân Uyên cũng có tỉ lệ gia tăng dân số cao mà nguyên nhân chủ yếu là do sự mở rộng sản xuất công nghiệp sang hai huyện này với sự ra đời của các khu công nghiệp trên địa bàn đã thu hút một lượng lớn lao động nhập cư đến sinh sống và làm việc. Chính vì vậy, gia tăng cơ học là nhân tố chính làm gia tăng dân số của tỉnh, nhất là trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay. Trong giai đoạn này, tỉ lệ gia tăng cơ học luôn cao hơn nhiều so với gia tăng tự nhiên (xem bảng 5).

Bảng 5. Tình hình gia tăng dân số tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 – 2010

Đơn vị: %

	1997	1999	2001	2003	2005	2007	2010
Tỉ lệ gia tăng dân số	3,11	3,11	3,65	5,38	6,96	2,41	7,10
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên	1,68	1,53	1,39	1,22	1,09	1,05	1,06
Tỉ lệ gia tăng cơ học	1,43	1,58	2,26	4,16	5,87	1,36	6,04

Nguồn: xử lí từ [1]

Bảng 5 cho thấy tỉ lệ gia tăng cơ học trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ 1997 đến 1999 thấp hơn tỉ lệ gia tăng tự nhiên với tỉ lệ gia tăng trung bình là 1,43%. Từ năm 2000 đến 2010, khi Bình Dương bắt đầu xây dựng nhiều khu công nghiệp ở các huyện phía Nam thì số dân từ các nơi

khác đến Bình Dương làm việc càng nhiều, làm cho tỉ lệ gia tăng cơ học tăng nhanh.

Bên cạnh đó, tỉ lệ gia tăng cơ học giữa các huyện, thị cũng có sự khác nhau (xem bảng 6).

Bảng 6. Tỷ lệ gia tăng cơ học phân theo huyện/thị, giai đoạn 2001 – 2010

Đơn vị: %

Huyện/thị	2001	2003	2005	2007	2010
TX Thủ Dầu Một	1,39	1,15	3,81	1,25	6,55
Dầu Tiếng	1,01	0,73	0,29	0,65	1,62
Bến Cát	1,29	2,21	9,69	2,79	13,99
Phú Giáo	1,71	1,53	1,44	0,55	0,67
Tân Uyên	1,15	1,26	10,64	2,37	10,46
Thuận An	3,84	12,48	20,44	0,77	5,98
Dĩ An	6,45	8,21	15,72	1,29	6,51

Nguồn: xử lý từ [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10]

Bảng 6 cho thấy các huyện phía Nam nhìn chung có tỷ lệ gia tăng cơ học cao hơn hẳn so với các huyện phía Bắc, trong đó TX Thủ Dầu Một có tỷ lệ gia tăng cơ học tương đối ổn định hơn so với 2 TX Thuận An và Dĩ An. Việc xây dựng các khu công nghiệp ở các huyện phía Nam từ năm 2000 đã làm cho tỷ lệ gia tăng cơ học ở Thuận An và Dĩ An tăng nhanh. Năm 2001, TX Dĩ An có tỷ lệ gia tăng cơ học cao nhất (6,45%), kế đến là Thuận An (3,84%). Từ 2001 đến 2005, tỷ lệ gia tăng cơ học ở hai địa phương này liên tục tăng nhanh và cao gấp nhiều lần so với gia tăng tự nhiên. Chẳng hạn ở Thuận An, gia tăng cơ học vào các năm 2001, 2003, 2005 lần lượt là 3,84%, 12,48% và 20,44% trong khi gia tăng tự nhiên cùng giai đoạn là 1,44%, 1,23% và 1,05%; năm 2005, tỷ lệ gia tăng cơ học gấp hơn 20 lần so với tỷ lệ gia tăng tự nhiên (20,44% so với 1,05%). Ở Dĩ An, năm 2005, tỷ lệ gia tăng cơ học cao gấp hơn 15 lần tỷ lệ gia tăng tự nhiên. Tỷ lệ gia tăng cơ học cao ở Thuận An và Dĩ An cùng với huyện Bến Cát và Tân Uyên đã làm cho tỷ lệ gia tăng cơ học của tỉnh năm 2005 cao đột biến (10,3%). Đến năm 2010, tỷ lệ gia tăng cơ học của Thuận An

và Dĩ An giảm hẳn do các khu công nghiệp ở 2 địa phương này đã đi vào hoạt động ổn định, diện tích dành cho các nhà đầu tư đã được lấp đầy.

Ở các huyện phía Bắc, giai đoạn 1997 – 2003, tỷ lệ gia tăng cơ học còn thấp và khá ổn định. Năm 2004, tỷ lệ tăng cơ học ở huyện Bến Cát và Tân Uyên tăng mạnh. Năm 2010, tỷ lệ gia tăng cơ học ở Tân Uyên là 10,46% và Bến Cát là 13,99%, cao hơn cả Thuận An và Dĩ An. Nguyên nhân là do hoạt động công nghiệp đã mở rộng ở hai huyện này, hàng loạt dự án đầu tư ồ ạt đổ vào Tân Uyên và Bến Cát, thu hút lực lượng lao động đông đảo.

2.2.2. Tác động đến phân bố dân cư, mật độ dân số

Giai đoạn 1997 – 2010, mật độ dân số tỉnh Bình Dương tăng cao và phân bố không đều giữa các huyện, thị. Dân số tập trung chủ yếu ở các huyện, thị phía Nam và hai huyện phía Bắc là Tân Uyên và Bến Cát. Nguyên nhân chính là do tác động của quá trình công nghiệp hóa. Điều này được phản ánh rõ qua mật độ dân số của các địa phương trong tỉnh (xem bảng 7 và bảng 8).

Bảng 7. Dân số và mật độ dân số tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 – 2010

	1997	2001	2003	2005	2007	2010	Tỉ lệ tăng trưởng (1997 - 2010) (%)
Dân số (nghìn người)	679,044	769,946	853,807	1030,722	1075,457	1619,930	6,68
Mật độ dân số (người/km ²)	252	286	317	382	399	601	6,91

Nguồn: [1]

Bảng 8. Mật độ dân số phân theo huyện/thị, giai đoạn 1997 – 2010

Đơn vị: người/km²

	1997	1999	2003	2005	2007	2010	Tốc độ tăng mật độ dân số (1999 – 2010) (%)
TX Thủ Dầu Một	1573	1705	1798	1950	2026	2746	4,42
Thuận An	1199	1363	1856	2664	2751	4876	12,28
Dĩ An	-	1674	2177	2953	3085	5332	11,10
Tân Uyên	164	193	211	250	265	373	6,17
Bến Cát	147	179	198	230	246	383	7,16
Dầu Tiêng	-	120	132	136	141	152	2,17
Phú Giáo	-	110	124	129	133	156	3,22

Nguồn: [1]

Bảng 7 cho thấy cùng với sự gia tăng nhanh chóng của quy mô dân số do nhập cư, trong giai đoạn 1997 – 2010, mật độ dân số của tỉnh không ngừng tăng. Năm 1997, mật độ dân số là 252 người/km², nhưng đến 2010, mật độ dân số của tỉnh đã lên đến 601 người/km², gấp 2,38 lần so với năm 1997. Về tốc độ tăng mật độ dân số, trong giai đoạn 1997 – 2010, tỉ lệ tăng mật dân số trung bình khá cao, khoảng 6,91%/năm, xấp xỉ tỉ lệ gia tăng dân số trong cùng giai đoạn (6,68%/năm). [1]

Mật độ dân số theo địa phương cũng có sự khác nhau rõ rệt. Bảng 8 cho thấy các TX ở phía Nam có mật độ dân số cao hơn hẳn so với các huyện phía Bắc. TX Thủ Dầu Một, huyện Thuận An và Dĩ An có mật độ dân số trên 2000 người/km², trong khi các địa phương còn lại dưới 300 người/km². Năm 2007, Dĩ An có mật độ dân số cao nhất là 3085 người/km², gấp 23,2 lần mật độ dân số của huyện thấp nhất là Phú Giáo (133 người/km²). Trong các huyện phía Bắc, Tân Uyên và Bến Cát có mật độ dân số

cao hơn Dầu Tiếng và Phú Giáo (gấp khoảng 2 lần).

Tốc độ tăng mật độ dân số cao nhất thuộc về hai huyện phía Nam là Thuận An và Dĩ An. Giai đoạn 1999 – 2010, tỉ lệ tăng mật độ dân số của Thuận An và Dĩ An lần lượt là 12,28% và 11,10%. TX Thủ Dầu Một có mức tăng mật độ dân số ở mức thấp (4,42%) so với mức tăng mật độ dân số của các địa phương khác, chỉ cao hơn Dầu Tiếng (2,17%) và Phú Giáo (3,22%). Trong số các địa phương phía Bắc, tỉ lệ tăng mật độ dân số cao thuộc về hai huyện Tân Uyên và Bến Cát (6,17% và 7,16%).

Tóm lại, quá trình công nghiệp hóa của tỉnh Bình Dương đã chi phối rất lớn đến biến động dân cư tỉnh Bình Dương từ 1997 đến nay. Sự phát triển công nghiệp mạnh mẽ ở các huyện như Thuận An, Dĩ An và TX Thủ Dầu Một; gần đây là huyện Tân Uyên và Bến Cát. Điều này đã làm cho các địa phương có tốc độ gia tăng dân số rất nhanh mà chủ yếu là gia tăng cơ học. Mật độ dân số theo đó cũng không ngừng tăng lên. Sự gia tăng dân số quá nhanh ở các địa phương này cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường, xã hội như: giải quyết việc làm, nhà ở, an ninh trật tự xã hội... Trong khi đó, ở hai huyện Phú Giáo và Dầu Tiếng, kinh tế chính vẫn là nông nghiệp, gia tăng dân số chủ yếu là gia tăng tự nhiên nên biến động dân số không đáng kể.

3. Giải pháp phát triển dân số tỉnh Bình Dương trong thời gian tới

Từ thực tiễn nêu trên, tỉnh Bình Dương cần có những giải pháp phù hợp để hạn chế những khuyết điểm và phát

huy ưu điểm trong quá trình công nghiệp hóa tác động đến dân số, cụ thể là:

- Cần có chính sách thu hút người lao động phù hợp để hạn chế việc nhập cư ồ ạt nhưng vẫn đảm bảo nguồn lao động đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp hiện nay và trong tương lai. Bên cạnh đó, tỉnh cần tiếp tục phát huy những chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ các địa phương khác.

- Cần chú ý vấn đề quy hoạch, phân bố dân cư và phát triển kinh tế phù hợp nhằm cân đối dân số giữa các địa phương. Cụ thể là tiếp tục phát triển mạnh về công nghiệp ở các địa phương phía Bắc nhằm giảm áp lực về dân số cho các địa phương phía Nam Bình Dương.

- Nâng cao chất lượng dân số bằng cách chú trọng phát triển về y tế, giáo dục; đảm bảo hệ thống bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; khống chế các bệnh gây dịch, hạn chế các bệnh do phát triển công nghiệp, chủ động phòng chống AIDS; cải thiện môi trường sống; xây dựng gia đình quy mô nhỏ từ 1 – 2 con.

4. Kết luận

Dân số là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trải qua gần 15 năm tiến hành công nghiệp hóa, dân số Bình Dương đã có những biến động đáng lưu ý. Vì vậy, tỉnh cần chú trọng đến vấn đề gia tăng dân số, phân bố dân cư, nâng cao hơn nữa chất lượng dân số, thu hút có chọn lọc nguồn lao động nhập cư để đạt được những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị mà tỉnh đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương (1997 – 2010), *Niên giám Thống kê tỉnh Bình Dương từ năm 1997 – 2010*.
2. Tổng Văn Đường (1997), *Giáo trình dân số và phát triển*, Dự án VIE/97/P.3, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Nguyễn Kim Hồng (chủ biên) (1997), *Giáo trình địa lí kinh tế - xã hội đại cương*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
4. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Bến Cát (2008), *Kết quả thực hiện công tác dân số - KHHGD giai đoạn 2000 – 2007 và kế hoạch đến 2010*.
5. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Dầu Tiếng (2008), *Chỉ tiêu dân số 2001 – 2007, kế hoạch năm 2008 – 2010*.
6. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Dĩ An (2008), *Dân số và biến động dân số 2001 – 2007*.
7. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Tân Uyên (2008), *Dân số và biến động dân số 1999 – 2007*.
8. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Thuận An (2008), *Dân số và biến động dân số 1997 – 2007*.
9. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em TX Thủ Dầu Một (2008), *Kết quả thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2000 – 2007 và kế hoạch đến 2010*.
10. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em huyện Phú Giáo (2010), *Bảng tổng hợp các chỉ tiêu dân số 1999 – 2010*.
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2006), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-7-2012; ngày phản biện đánh giá: 26-8-2012;
ngày chấp nhận đăng: 26-11-2012)